



## MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6 (ngày 15/11/2018). Luật gồm 05 chương, 28 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2020; trong đó, một số quy định liên quan đến lập, thẩm định, ban hành danh mục bí mật nhà nước, thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn nguyên giá trị của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2000 và bổ sung những quy định mới phù hợp với thực tiễn bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới. Luật có những nội dung cơ bản sau đây:

**Một là, khái niệm bí mật nhà nước:** Luật quy định bí mật nhà nước là thông tin quan trọng, do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia dân tộc. Theo quy định của Luật thì bí mật nhà nước có 3 thuộc tính cơ bản: Thứ nhất, bí mật nhà nước là thông tin quan trọng; thứ hai, là thông tin chưa được công khai, nếu bị lộ, bị mất sẽ gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; thứ ba, phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định theo quy định tại Luật này. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định hình thức chứa đựng bí mật nhà nước bao gồm tài liệu, vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc các dạng khác.

**Hai là, các hành vi bị nghiêm cấm:** Để phòng ngừa lộ, mất bí mật nhà nước và có căn cứ để xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Luật quy định một điều (Điều 5) về các hành vi bị nghiêm cấm, đáng chú ý như: Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu; truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu; đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông...

**Ba là, phạm vi bí mật nhà nước:** Luật quy định phạm vi bí mật nhà nước là giới hạn thông tin quan trọng trong các lĩnh vực chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến quốc gia, dân tộc. Theo đó, nội dung điều luật này được xây dựng trên cơ sở phân loại lĩnh vực theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ (15 lĩnh vực), đây cũng là kết quả nghiên

cứ, rà soát nội dung bí mật nhà nước tại 96 danh mục bí mật nhà nước hiện hành. Mặt khác, trong quá trình xây dựng, nội dung này cũng đã gửi xin ý kiến 39 bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan trực tiếp đến việc lập danh mục bí mật nhà nước và đạt được sự đồng thuận cao của các cơ quan, tổ chức. Trên cơ sở phạm vi quy định tại Điều này, Thủ tướng Chính phủ sẽ ban hành danh mục cụ thể về bí mật nhà nước theo trình tự, thủ tục chặt chẽ.

**Bốn là, danh mục bí mật nhà nước:** Căn cứ vào quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật, Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật và Mật trên cơ sở đề xuất của người có trách nhiệm lập danh mục bí mật nhà nước và thẩm định của Bộ Công an (trừ danh mục thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng). Quy định này đã khắc phục tồn tại của Pháp lệnh, cụ thể: Thống nhất một chủ thể ban hành danh mục quy định cả ba độ mật (Tuyệt mật, Tối mật và Mật); bí mật nhà nước được quy định theo ngành và lĩnh vực áp dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, không quy định danh mục bí mật nhà nước của địa phương.

**Năm là, thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước:** Đây là quy định mới vì Pháp lệnh số 30/2000/PL-UBTVQH10 và các văn bản trước Pháp lệnh đều không quy định thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước.

Luật quy định thời hạn bảo vệ đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật là 30 năm, độ Tối mật là 20 năm, độ Mật là 10 năm, đây là quy định tiến bộ của Luật nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân. Luật cũng quy định khi hết thời hạn bảo vệ nếu xét thấy việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích, quốc gia dân tộc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, mỗi lần gia hạn không quá thời hạn bảo vệ như nêu ở trên.

**Sáu là, giải mật:** Luật quy định bí mật nhà nước được giải mật khi hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước và thời gian gia hạn thời hạn bảo vệ hoặc giải mật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập, hợp tác quốc tế hoặc bí mật nhà nước không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, khắc phục khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, Luật đã quy định việc đương nhiên giải mật đối với trường hợp bí mật nhà nước không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước; trường hợp bí mật nhà nước chỉ cần bảo vệ trong khoảng thời gian nhất định hoặc đã hết thời hạn bảo vệ theo quy định của Luật mà cơ quan có thẩm quyền không quyết định gia hạn.

**Bấy là, hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước:**  
Để khắc phục thực trạng lộ bí mật nhà nước qua các hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước, Luật đã xây dựng 2 điều về “Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam” và “Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước”. Nội dung hai điều này được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, chọn lọc một số quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước về tổ chức hội nghị, hội thảo, trong đó quy định chặt chẽ thẩm quyền, thành phần, địa điểm, sử dụng phương tiện, thiết bị, phương án bảo vệ, việc sử dụng tài liệu bí mật nhà nước và trách nhiệm của các chủ thể tham gia, tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp./.

**BỘ CÔNG AN**

